

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/DS-ST
Ngày: 19-3-2025
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng do sức khỏe bị
xâm phạm

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Bùi Tấn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, trình bày: Vào khoảng 19 giờ 10 phút, ngày 21/5/2024, trong lúc bà đi ra đường mua cháo, thì bà bị ông Trần Văn T, đã có mâu thuẫn trước đó, chửi và đánh bà gây thương tích. Ông T dùng tay phải

đánh bà 01 cái trứng vào đầu chỗ thái dương, bà té xuống đường, ông T dùng chân đạp vào chân bà 2, 3 cái, ông T nắm đầu bà đạp nhiều cái vào người. Sau đó vợ và cháu ngoại ông T chạy lại can ra. Bà chạy được hai bước thì sụm xuống và chồng bà chạy lại đưa bà vô nhà. Trong đêm đó bà đi điều trị bệnh viện Đ, An Giang. Bác sĩ chuẩn đoán tôi gãy xương cánh chè đầu gối phải, kêu qua bệnh viện C để điều trị, nhưng do không có tiền nên đi bó thuốc nam cho nhẹ tiền. Bà không có nằm viện ngày nào, vì không có tiền, nên chỉ đi bó thuốc nam. Bà có yêu cầu xử lý hình sự ông T, hôm sau bà đưa đơn lên Công an, nhưng gần 03 tháng sau chân lành lại mới đi giám định, kết luận giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể 01% (Cơ quan điều tra đã ra Quyết định không khởi tố vụ án). Từ lúc xảy ra sự việc ngày 21/5/2024 đến khoảng 04 tháng sau bà mới đi lại bình thường. Bà trông rầy chở ra chợ bán, thu nhập hàng ngày 100.000đ đến 200.000đ. Lúc đi bệnh viện Đ đêm 21/5/2024 có toa vé, đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Chích thuốc giảm đau 2.500.000đ dạo của y sĩ ở gần nhà, bà sẽ cung cấp xác nhận cho Tòa án sau. Tiền bó thuốc và thay băng tại Phòng khám S có toa vé 1.200.000đ. Tiền bó thuốc tại thầy Út L là 600.000đ, sẽ cung cấp xác nhận cho Tòa án sau. Mua thuốc uống tại nhà thuốc L có toa vé 656.000đ. Tiền chụp hình X Q có toa vé 425.000đ. Tiền chụp hình và mua 02 cuộn băng tại bệnh viện Đ là 140.000 không có lấy toa vé. Tiền đi lại 650.000đ: Đi Cao Lãnh 02 lần đi xe gắn máy nhà, đi Ú ở T 03 lần, đi xuống thầy B ở P cây số 28 03 lần. Tiền mất thu nhập người bệnh từ ngày bị đánh đến ngày nộp đơn khởi kiện, trong thời gian này không làm gì được, mỗi ngày 150.000đ x 160 ngày là 24.000.000đ. Tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh 5.000.000đ/tháng yêu cầu 02 tháng là 10.000.000đ, con bà tên Đặng Thị Kim N phải nghỉ làm ở nhà nuôi bà, trong thời gian 02 tháng bà không làm gì được cần người chăm sóc. Bà yêu cầu ông Trần Văn T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm số tiền 72.221.400đ (Trong đó, chích thuốc giảm đau 2.500.000đ; bó thuốc và thay băng tại Phòng khám A; tiền bó thuốc tại nhà 1.200.000đ; T1 thuốc 656.000đ; chụp X Q là 425.400đ; chụp hình và mua 02 cuộn băng 140.000đ; xăng xe là 650.000đ; mất thu nhập 24.000.000đ; bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 8.000.000đ; mất thu nhập người nuôi bệnh là 10.000.000đ; tổn thất tinh thần 23.400.000đ).

Bị đơn ông Trần Văn T không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án, nhưng theo bản sao hồ của Cơ quan điều tra Công an huyện H thì: Ông T trình bày có chửi và đánh bà P. Tại Biên bản “Về việc các đương sự tự thỏa thuận dân sự” ngày 17/8/2024, bà P yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại các khoản là 25.000.000đ. Ông P không đồng ý bồi thường do số tiền vượt quá khả năng của ông.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây

viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 584, 590 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn; Buộc ông T phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm cho bà P các khoản chi phí và tổn thất tinh thần phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt, không có yêu cầu phản tố, không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của bà P yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại số tiền 72.221.400đ là có một phần căn cứ để chấp nhận, vì:

[4] Về lỗi, ông T hoàn toàn có lỗi, đã chửi, đánh bà P gây ra thương tích ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của bà P.

[5] Về căn cứ bồi thường thiệt hại: Tòa án đã yêu cầu bà P cung cấp chứng cứ chứng minh thiệt hại, căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại các Điều 584, 590 của Bộ luật Dân sự, nhưng bà P chỉ cung cấp được một phần. Tại khoản 4 Điều 91 BLTTDS quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Việc bà P cho rằng bà không có tiền để đi điều trị tại các cơ sở y tế có đủ điều kiện phù hợp quy định pháp luật, thay vào đó bà tự ý điều trị bệnh tại nhà, thầy thuốc mà không cung cấp được có đủ điều kiện hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, làm cho việc điều trị kéo dài, tự làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bà, không có chỉ định của người có thẩm quyền (bác sĩ) về thời gian nghỉ ngơi phục hồi sức khỏe... Tuy nhiên, việc bà có thương tích phải điều trị là có thật. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận các khoản chi phí điều trị phù hợp quy định pháp luật, các chi phí hợp lý khác, cụ thể:

[6] Chi phí khám bệnh, chữa bệnh, thuê phương tiện đi lại: Biên lai thu tiền ngày 26/7/2024 của Bệnh viện Đ1 chuẩn đoán hình ảnh 65.400đ, Phiếu thu ngày 05/7/2024 của Nhà thuốc L1 656.000đ, chi phí đi lại 500.000đ, cộng 1.221.400đ.

[7] Thu nhập bị mất, giảm sút trong 02 tháng x 3.450.000đ/tháng (tính theo lương tối thiểu vùng) = 6.900.000đ.

[8] Bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần 4.680.000đ (2 tháng x 2.340.000đ/tháng, tính theo lương cơ sở).

[9] Chi phí bồi dưỡng sức khỏe, chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc, không chấp nhận do không điều trị nội trú, không có chỉ định phải có người chăm sóc, không có hồ sơ bệnh án theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[10] Tổng cộng: 1.221.400đ + 6.900.000đ + 4.680.000đ = 12.801.400đ.

[11] Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu của bà P, buộc ông T phải bồi thường cho bà P 12.801.400đ.

[12] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 147 và 150 của BLTTDS; các điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn yêu cầu bồi thường về sức khỏe và có đơn xin miễn nên cho miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là người cao tuổi nhưng không có đơn, không có đề nghị được miễn nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 147, 150, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự; các Điều 12 và 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị P.

1.1. Buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm cho bà Nguyễn Thị P số tiền 12.801.400 (Mười hai triệu tám trăm lẻ một nghìn bốn trăm) đồng.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.3. Quyết định bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tổn thất về tinh thần được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị P được miễn.

2.2. Buộc ông Trần Văn T chịu 640.000 (Sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng.

3. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19 tháng 3 năm 2025); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú